

BẢN THỐNG KÊ HIỆN VẬT *

THUỘC DI TÍCH ...
Xã ... huyện ... tỉnh/thành phố ...

STT	Tên hiện vật	Mã số	Nguồn gốc	Thời kỳ /niên đại	Loại hiện vật	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng	Miêu tả hiện vật	Tình trạng bảo quản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

..., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan/đơn vị lập Hồ sơ khoa học di tích

Chú thích:

* Bản thống kê hiện vật thuộc di tích thống nhất thực hiện trên khổ giấy A3, cỡ chữ 13 hoặc 14.

(1) Số thứ tự hiện vật trong Bản thống kê.

(2) Ghi rõ tên thường gọi của hiện vật và tên gọi khác (nếu có).

(3) Mã số được quy định như sau:

Mã số được cấu tạo từ 3 bộ phận (A. B. C), viết theo hàng ngang, trong đó:

A: là chữ viết tắt của tên di tích, ví dụ: Phú Tây Hồ ghi PTH.

B: là chữ viết tắt của nơi đặt hiện vật, ví dụ: Tiền đường - ghi: TĐ, sân vườn - ghi: SV.

C: Số ghi vị trí hiện vật trên sơ đồ hiện vật thuộc di tích quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư này, ví dụ: 01.

Như vậy, mã số hiện vật số 01 tại Tiền đường Phú Tây Hồ sẽ ghi là: PTH.TĐ.01.

(4) Ghi rõ nguồn gốc hiện vật: vốn có, hiến tặng, khai quật, trao đổi, thu hồi, mua, nguồn khác.

(5) Ghi rõ hiện vật thuộc thời kỳ văn hoá nào, niên đại tương đối, niên đại tuyệt đối của hiện vật.

(6) Ghi rõ hiện vật là: di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

(7) Ghi rõ chất liệu, nhóm chất liệu chính của hiện vật: gốm, sành sứ, kim loại và hợp kim, gỗ, tre, nứa, giấy, phim, vải, len, lụa, da, lông thú, xương, sừng, vô động vật, vô nhuyễn thể, đá, đá quý, thủy tinh, pha lê, xi măng, thạch cao, nhựa, cao su, vôi, sợi thực vật, ...

(8) Ghi các kích thước cơ bản của hiện vật theo đơn vị centimet, trọng lượng của hiện vật theo đơn vị gam (trường hợp hiện vật có trọng lượng quá lớn hoặc để ở vị trí không thể cân, đo được thì ước tính)

(9) Miêu tả hiện vật và nêu rõ các dấu tích đặc biệt (nếu có).

(10) Ghi rõ hiện vật đang ở trong tình trạng nào sau đây: nguyên, nứt, nứt, vỡ, hỏng men, méo, rỉ, gãy, mọt, thủng, xước, rách, sòn, bạc màu, ố bẩn, ...

(11) Các ghi chú khác (nếu có).